

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ C
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2021/KDTM-ST.

Ngày: 18-5-2021.

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ C, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Cẩm Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thắm;

Bà Nguyễn Kim Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Minh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2020/TLST-KDTM ngày 09 tháng 01 năm 2020 về: “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2021/QĐXXST-KDTM ngày 29/3/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty L; địa chỉ trụ sở: Số 83A, đường ĐT744, ấp T, xã T, thị xã C, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn P, sinh năm 1976; địa chỉ: Số 230, D, phường H, thành phố M, tỉnh Bình Dương – Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty, là người đại diện theo pháp luật; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Công ty S; địa chỉ trụ sở: Số 116, đường T, phường P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Lê D, sinh năm 1974; địa chỉ: Số 16/5, tổ 1, khu phố 5, phường H, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 27/10/2019, lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, ông Nguyễn P trình bày:

Ngày 03/7/2019, giữa Công ty L (sau đây gọi tắt là Công ty L) với Công ty S (sau đây gọi tắt là Công ty S) ký kết với nhau Hợp đồng mua bán xăng dầu số 03/2019/HĐKT-NBL. Theo hợp đồng, Công ty L bán cho Công ty S mặt hàng dầu các loại, số lượng bình quân tháng là 30.000 lít; địa điểm giao hàng là kho chứa nhiên liệu của Công ty S tại thôn R, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi và cụm Công nghiệp H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi; giá được chiết khấu 300 đồng/lít nhiên liệu theo đơn giá bán lẻ do Nhà nước quy định tại mỗi thời điểm phát sinh đơn hàng, giá bán bao gồm thuế giá trị gia tăng, phí xăng dầu; phương thức thanh toán: Chuyển khoản; thời gian thanh toán: Vào ngày 01 đến ngày 05 của tháng kế tiếp, quá thời hạn này Công ty Việt Sin phải chịu phạt theo lãi suất 0,05 %/ ngày/ số tiền chậm trả; ngoài ra, hợp đồng còn có các điều khoản thỏa thuận khác.

Thực hiện hợp đồng, Công ty L bán cho Công ty S nhiều lần dầu loại DO 0.05%/S, đến ngày 25/8/2019, giữa Công ty L với Công ty S đối chiếu công nợ, được thể hiện tại Biên bản đối chiếu công nợ tháng 8/2019, theo đó: Số dầu loại DO 0.05%/S Công ty L đã bán cho Công ty S là 21.000 lít, đơn giá 16.720 đồng/lít, thành tiền là 351.120.000 đồng. Sau khi đối chiếu công nợ, Công ty S không thanh toán tiền cho Công ty Bảo Lam.

Tại Đơn khởi kiện ngày 27/10/2019, Công ty L yêu cầu: Buộc Công ty S có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty L số tiền:

- Tiền dầu loại DO 0.05%/S là 353.620.000 đồng.
- Phạt nộp chậm 9.370.930 đồng, tạm tính từ ngày 5/9/2019 đến hết ngày 27/10/2019.

Tại Đơn thay đổi và rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 15/01/2021, Công ty Bảo Lam yêu cầu Công ty S thanh toán:

- Tiền dầu loại DO 0.05%/S là 351.120.000 đồng;
- Tiền lãi chậm thanh toán theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường theo quy định tại Điều 306 Luật Kinh doanh thương mại tạm tính từ ngày 05/9/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Đối với cước phí vận chuyển 2.500.000 đồng, Công ty L rút lại, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong quá trình tố tụng, Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là Công ty S; nhưng bị đơn không đến Tòa án làm việc theo thông báo và giấy triệu tập của Tòa án nên Tòa án không thu thập được lời khai của bị đơn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Thời hạn thụ lý, giải quyết vụ án; việc cấp tổng đạt văn bản pháp luật và việc tuân thủ quy định pháp luật của người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Nguyên đơn không cung cấp, bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tại Điều 7 Hợp đồng mua bán xăng dầu số 03/2019/HĐKT-NBL các bên thỏa thuận: *“Trong trường hợp có tranh chấp mà hai bên không tự giải quyết được thì sẽ đưa ra Tòa Kinh tế huyện C, tỉnh Bình Dương (nơi đăng ký địa điểm kinh doanh của bên A...”*. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty L, thì địa chỉ trụ sở chính thuộc số 83A, đường ĐT744, ấp T, xã T, thị xã C, tỉnh Bình Dương. Căn cứ các Điều 30, 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Tòa án nhân dân thị xã C có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về tố tụng: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn Công ty S do ông Lê D là người đại diện hợp pháp đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không tham gia trong quá trình tố tụng, tại phiên tòa sơ thẩm. Căn cứ quy định tại điểm b khoản Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại Đơn thay đổi và rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 15/01/2021, Công ty L rút lại đối với yêu cầu về cước phí vận chuyển 2.500.000 đồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn tự nguyện và phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận, cần đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty L.

[4] Xét hiệu lực của Hợp đồng mua bán xăng dầu số 03/2019/HĐKT-NBL ký kết ngày 03/7/2019 giữa Công ty L với Công ty S:

Hợp đồng mua bán xăng dầu số 03/2019/HĐKT-NBL ngày 03/7/2019 do ông Nguyễn P và ông Lê D ký kết. Tại thời điểm ký kết, ông Lê D là người đại diện hợp pháp của Công ty S được thể hiện tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cung cấp; ông Nguyễn P là người đại diện hợp pháp của Công ty L, được thể hiện tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một Thành viên do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cung cấp. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy

Hợp đồng mua bán xăng dầu số 03/2019/HĐKT-NBL ngày 03/7/2019 được ký kết giữa Công ty L và Công ty S là hợp pháp.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Công ty L yêu cầu Công ty S thanh toán: Tiền dầu loại DO 0.05%/S là 351.120.000 đồng; tiền lãi chậm thanh toán theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường theo quy định tại Điều 306 Luật Kinh doanh thương mại tính từ ngày 05/9/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt các Văn bản tố tụng theo quy định pháp luật, nhưng vẫn cố tình vắng mặt, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh phản đối lại đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, do Tòa án thu thập có được trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định pháp luật.

Các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp gồm: Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000240 ngày 13/8/2019, biên bản giao nhận chứng từ ngày 05/9/2019, biên bản đối chiếu công nợ tháng 8/2019, biên bản giao nhận hàng hóa ngày 09/8/2019, hợp đồng mua bán xăng dầu 03/2019/HĐKT-NBL ngày 03/7/2019.

Xét yêu cầu về nợ gốc: Theo Biên bản đối chiếu công nợ tháng 8/2019, thể hiện: Ngày 09/8/2018, Công ty L bán mặt hàng dầu D.O cho Công ty S với số lượng là 21.000 lít, đơn giá 16.720 đồng/lít, thành tiền là 351.120.000 đồng, số tiền Công ty S còn nợ Công ty L là 351.120.000 đồng, có chữ ký xác nhận công nợ của ông Lê D và dấu mộc của Công ty S. Cho đến nay, Công ty S vẫn chưa thanh toán tiền nợ cho Công ty L; điều này cho thấy Công ty S đã vi phạm thực hiện nghĩa vụ hợp đồng về điều khoản thanh toán. Căn cứ quy định tại các Điều 24, 50; cần buộc Công ty S có nghĩa vụ trả cho Công ty L số tiền 351.120.000 đồng.

Xét yêu cầu về tiền lãi chậm thanh toán: Theo Biên bản đối chiếu công nợ tháng 8/2019, thể hiện: Công ty L giao dầu D.O cho Công ty S vào ngày 09/8/2018. Theo thỏa thuận về thời gian thanh toán quy định tại Điều 6 của Hợp đồng mua bán xăng dầu số 03/2019/HĐKT-NBL ngày 03/7/2019, thể hiện: *“Bên B có trách nhiệm thanh toán tiền hàng cho Bên A vào ngày 01-05 của tháng kế tiếp, Giá trị mỗi lần thanh toán là toàn bộ giá trị hàng hóa đã nhận trong kỳ đối chiếu công nợ từ ngày 01 đến ngày 25 của tháng. Nếu quá thời hạn này Bên B phải chịu phạt theo lãi suất 0.05%/ngày trên số tiền chậm trả”*. Điều này thể hiện, Công ty S đã chậm thanh toán số tiền 351.120.000 đồng cho Công ty L kể từ ngày 05/9/2019. Về mức lãi do chậm thanh toán, theo mức lãi giữa các bên thỏa thuận nêu trên là 0,05%/ ngày, tức 18%/năm. Trong quá trình tố tụng, nguyên đơn yêu cầu tính mức lãi do chậm thanh toán được quy định tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Theo các mức lãi suất thể hiện tại Công văn số 1043/2021/CV-TPB.LC ngày 15/4/2021

của Ngân hàng Thương mại Cổ phần P; Công văn số 001/CV-NHNo ngày 27/01/2021 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam Chi nhánh thị xã C, tỉnh Bình Dương; Công văn số 06/2021/CV-CNBC ngày 25/01/2021 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín Chi nhánh C, thì mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường là: 14.8%/năm. Như vậy, tiền lãi do chậm thanh toán tính kể từ ngày 05/9/2019 cho đến ngày xét xử sơ thẩm 18/5/2021, là: 351.120.000 đồng x 14.8%/năm x 20 tháng 03 ngày = 87.042.646 đồng.

Như vậy, tổng số tiền cần buộc Công ty S có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty L là: 438.162.646 đồng, trong đó tiền gốc là 351.120.000 đồng, tiền lãi do chậm thanh toán là 87.042.646 đồng.

[6] Xét ý kiến của Kiểm sát viên - Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty S phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 8 Điều 3, Điều 24, Điều 50 và Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005;

- Các Điều 30, 35, điểm b khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, điểm b khoản Điều 227, khoản 1 Điều 228, các Điều 235, 244, 266, 271, 273 và Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 6, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại – Dịch vụ L đối với bị đơn Công ty Cổ phần Bê tông S về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Buộc Công ty S có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty L số tiền: 438.162.646 (bốn trăm ba mươi tám triệu, một trăm sáu mươi hai nghìn, sáu trăm bốn mươi sáu) đồng, trong đó tiền gốc là 351.120.000 đồng, tiền lãi do chậm thanh toán là 87.042.646 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành của Công ty L cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng Công ty S còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án xong.

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty L đối với bị đơn Công ty S về yêu cầu cước phí vận chuyển 2.500.000 (hai triệu, năm trăm nghìn) đồng.

3. Về án phí:

Công ty S phải chịu 21.526.505 (hai mươi một triệu, năm trăm hai mươi sáu nghìn, năm trăm lẻ năm) đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty L 9.074.773 (chín triệu, không trăm bảy mươi bốn nghìn, bảy trăm bảy mươi bảy) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền số AA/2016/0042455, ngày 02/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Bình Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014)/.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã C;
- Chi cục THADS thị xã C;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Cẩm Hằng